



MONEL® 400



Đặc điểm chính

Khả năng chống ăn mòn tuyệt vời trong một loạt môi trường axit và kiềm

Đặc biệt thích hợp cho điều kiện khử

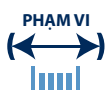
Độ dẻo và dẫn nhiệt tốt

Tốt khi sử dụng trong môi trường ngập nước biển

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



PHẠM VI
0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



GIAO HÀNG
3
TUẦN
Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

MONEL® 400 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh
hoặc thép dài



Monel® 400 còn được gọi là Phyweld 400, Nicorros LC.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	AMS 4730 ASTM B164 BS 3075 NA 13 BS 3076 NA 13 DTD 204B ISO 15156-3 (NACE MR 0175) QQ-N-281	W.Nr 2.4361 W.Nr 2.4360 UNS N04400 AWS 040	Khả năng chống ăn mòn tuyệt vời trong một loạt môi trường axit và kiềm Đặc biệt thích hợp cho điều kiện khử Độ dẻo và dẫn nhiệt tốt Tốt khi sử dụng trong môi trường ngập nước biển	Kỹ thuật hàng hải Xử lý hóa chất Xử lý Hydro-carbon Bộ trao đổi nhiệt Van Bơm
C	–	0.3				
Si	–	0.50				
Mn	–	2.00				
S	–	0.024				
Cu	28.00	34.00				
Fe	–	2.50				
Ni+Co	63.00	70.00				
Co	–	2.0				

Khối lượng riêng	8.8 g/cm³	0.318 lb/in³
Điểm nóng chảy	1350°C	2460°F
Hệ số giãn nở	13.9 µm/m °C (20 – 100°C)	7.7 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)
Mô-đun độ cứng	65.3 kN/mm²	9471 ksi
Mô đun đàn hồi	173 kN/mm²	25092 ksi

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm

Điều kiện được Alloy Wire cung cấp	Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
		°C	°F		
Ủ nhiệt hoặc Nhiệt đàn hồi	Khử ứng suất	300 – 320	570 – 610	0.5 – 1	Không khí

Thuộc tính

Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối	
	N/mm²	ksi	°C	°F
Ủ	400 – 600	58 – 87	-200 đến +230	-330 đến +445
Nhiệt đàn hồi	800 – 1100	116 – 160	-200 đến +230	-330 đến +445

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.